TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi

2. Ông Nguyễn Hoài Nam

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Bà Trần Thị Huệ - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2019/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-ST ngày 21/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Lê Đức T, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/3/2019, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu: Chị T và anh Lê Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương và được UBND xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T và bố mẹ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh T đã nghe lời bố mẹ, mang chị sang nhà bố mẹ đẻ của chị để gửi, nhưng thực chất là trả chị về nhà mẹ đẻ, trong khi đó chị T đang có thai 6 tuần 4 ngày. Vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống, vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Đức T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/3/2011. Hiện nay cháu Đức A đang ở với chị T, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đức A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Lê Đức T, tuy nhiên anh T cố tình không đến Tòa án để giải quyết, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 10/4/2019 tại chính quyền địa phương nơi anh chị T và anh T sinh sống, thể hiện anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay, tuy nhiên vợ chồng chị T mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được vì anh chị không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Theo ông Lê Đức T1 (bố đẻ của anh T) thì mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T chị T đã xảy ra trong thời gian 7 - 8 năm nay, hai vợ chồng sống ly thân, ít qua lại hỏi han nhau, ông thấy tình cảm vợ chồng anh T khó có thể hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Đức T. Giao cháu Lê Nguyễn Đức A cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị T không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn yêu cầu vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đức T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 03/3/2010 được UBND xã H, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn trong cuộc sống với bố mẹ chồng, anh T không giải quyết được mà còn nghe lời bố mẹ, trả chị T về nhà bố mẹ đẻ trong khi chị T đang có bầu. Vì vậy dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân từ cuối năm 2010 đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là phù hợp.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/3/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: - Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Xử: - Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Đức T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Lê Nguyễn Đức A, sinh ngày 11/3/2011. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đức A, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ Chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001486 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;

- VKSND huyện Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;;
- UBND xã P, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu